

Bản án số: 14/2025/HS-ST
Ngày 15-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Phương

Ông Nguyễn Văn Thành;

- Thư ký phiên toà: Bà Lý Thị Sinh -Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5-
Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn tham gia
phiên toà:** Ông Triệu Trung Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2025/TLST-HS, ngày 03 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Sái Thị L, sinh ngày 27 tháng 5 năm 1965 tại xã Đ, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã T, tỉnh Lạng Sơn; là Đảng viên Đ (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo quyết định số 02-QĐ/UBKTĐU ngày 04/9/2025 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã T, tỉnh Lạng Sơn); nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Sái Văn T và bà Vi Thị H (đều đã chết); chồng: Bé Văn L1, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1988 và con nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/4/2025 cho đến nay, hiện tại ngoại; có mặt.

2. Bé Văn L1, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1961 tại xã T, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã T, tỉnh Lạng Sơn; là Đảng viên Đ (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo quyết định số 02-QĐ/UBKTĐU ngày 04/9/2025 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã T, tỉnh Lạng Sơn); nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bé Văn K (đã chết) và bà Nông Thị L2; vợ: Sái Thị L, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1988 và con nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền

sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án số 68/HS-ST ngày 07/5/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã xử bị cáo mức án: Cảnh cáo về tội nhận hối lộ (đã được xóa án tích), chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/4/2025 cho đến nay, hiện tại ngoại; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Sái Thị L:* Bà Hoàng Thị T1 là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T5 S; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bé Văn L1:* Bà Nông Thị T2 là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T5 S; có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn - Người đại diện hợp pháp: Bà Lộc Thị H1 – Phó trưởng phòng Kinh tế xã T, tỉnh Lạng Sơn (Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 về việc ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án hình sự); vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Trần Thị Q, sinh năm 1967; vắng mặt.
2. Bà Hoàng Thị L3, sinh năm 1969; vắng mặt.
3. Bà Trần Thị B, sinh năm 1975; vắng mặt.
4. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1981; vắng mặt.
5. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1983; vắng mặt.
6. Bà Nông Thị T2, sinh năm 1987; vắng mặt.
7. Bà Vi Thị T3, sinh năm 1996; vắng mặt.
8. Ông Hoàng Văn B1, sinh năm 1996; vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn P, xã T, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn tiếp nhận tố giác của Bé Văn M về việc Sái Thị L có hành vi Hủy hoại rừng tại đồi P thuộc thôn P, xã T, tỉnh Lạng Sơn.

Sau khi tiếp nhận nguồn tin, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã phối hợp với các cơ quan chức năng xác định hiện trường xảy ra tại thửa đất số 701, tờ bản đồ lâm nghiệp số 03 thuộc thôn P, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Hiện trường là khu rừng cây tự nhiên đã phát thực bì, các cây có đường kính gốc từ 06cm trở lên đã được cắt hạ, vết cắt phẳng, mịn, các cây rừng tự nhiên có đường kính gốc từ 06cm trở xuống đã được chặt hạ, vết chặt nham nhở, các vết cắt, chặt cách mặt đất trung bình từ 05cm- 1m, phần lá đã khô ngả hết màu vàng. Tiến hành đo diện tích rừng bị chặt, phát là 8.620m², tiến hành kiểm đếm tổng số gốc cây bị cắt, chặt là 300 cây, các cây có đường kính trung bình từ 06cm đến 40cm, quan sát những

cây bị cắt hạ, một số cây thân vẫn còn nguyên, một số cây đã được cắt thành nhiều đoạn.

Tại Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp số 01-2025/KL/GĐCN ngày 12/3/2025 kết luận:

Diện tích rừng bị chặt phá: Tổng diện tích rừng bị chặt phá là 8.620m^2 (0,8620ha) có 6.017 m^2 đạt tiêu chí thành rừng.

Loại rừng, trạng thái rừng: Diện tích rừng bị chặt phá tại các lô 2, 4, 9 khoảnh 22, tiểu khu D, bản đồ hiện trạng rừng năm 2024 xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn đối chiếu với Bản đồ điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng xã L, huyện Đ theo Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt Đề án rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 thì loại rừng thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng trồng (ký hiệu RTG). Thực tế kết quả giám định tại hiện trường trạng thái rừng thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

Khối lượng gỗ, loài cây: Khối lượng gỗ bị chặt phá trên diện tích 6.017 m^2 (0,6017ha) là 12.570 m^3 , tương đương với khối lượng gỗ trung bình là 20,89 m^3/ha . Toàn bộ cây bị chặt hạ thuộc nhóm loài thông thường (ký hiệu SP) không có cây nào là Thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IA và IIA.

Căn cứ theo Phụ lục I, phân chia trạng thái rừng (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT sửa đổi bổ sung Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ NN&PTNT Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng) thì trạng thái rừng trên thuộc rừng nghèo kiệt, ký hiệu TXK ($10 < M \leq 50$: Trữ lượng rừng nhỏ hơn 50 m^3/ha). Như vậy trong tổng diện tích 8.620m^2 (0,8620ha) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ trưng cầu giám định thì có 6.017 m^2 (0,6017ha) đạt tiêu chí thành rừng là rừng tự nhiên nghèo kiệt.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 11/KL-HĐĐGTS ngày 27/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự - UBND huyện Đ kết luận: Giá trị tài sản tại Công văn số 102/YC-ĐGTS ngày 17/02/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Đ về yêu cầu định giá tài sản, thiệt hại là 4.148.100 đồng (bốn triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm đồng).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Sái Thị L và Bé Văn L1 khai nhận:

Năm 2023, H2 gia đình Sái Thị L và Bé Văn L1 được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG774563 tại thửa đất số 701, khoảnh 22, tiểu khu D, tờ bản đồ Lâm nghiệp số 03 tại khu đồi Phó Động thuộc thôn P, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Đến tháng 10/2024, với mục đích mở rộng diện tích để trồng cây keo phát triển kinh tế nên đã bàn bạc thống nhất thuê công nhân bao gồm: Trần Thị Q; Hoàng Thị L3; Trần Thị B; Nguyễn Thị P; Nguyễn Thị N; Nông Thị T2; Vi Thị T3 và Hoàng Văn B1 sử dụng dao, cưa máy để phát các cây bụi, dây leo và cắt các cây gỗ tự nhiên trên diện tích nêu trên mà không xin phép cơ quan chức năng theo quy định.

Bản cáo trạng số: 11/CT-VKS- KV5, ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn truy tố: Các bị cáo Sái Thị L và Bé Văn L1 về tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Sái Thị L và Bé Văn L1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã truy tố, các bị cáo đã tự nguyện nộp vào Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn số tiền là 4.148.100 đồng để bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự.

Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn vắng mặt tại phiên tòa, đã có đơn đề nghị các bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước số tiền là 4.148.100 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra đã trình bày được các bị cáo thuê phát và chặt cây tại đồi của các bị cáo để nhận tiền công, không biết được là rừng tự nhiên do vậy đề nghị được nhận lại các con dao đã bị tạm giữ trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Sái Thị L và Bé Văn L1 về tội Hủy hoại rừng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 243; điểm b, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Sái Thị L, đề nghị xử phạt bị cáo 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 24 tháng đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17, Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bé Văn L1, đề nghị xử phạt bị cáo 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 30 tháng đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án. Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của các bị cáo cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn tổng số tiền là 4.148.100 đồng. Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại 07 (bảy) con dao đã thu giữ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Sái Thị L và bị cáo Bé Văn L1 đề nghị được hưởng hình phạt cảnh cáo hoặc hình phạt dưới khung. Người bào chữa cho bị cáo Sái Thị L đề nghị cho bị cáo Sái Thị L được hưởng án treo, mức hình phạt 09 tháng đến 12 tháng tù. Người bào chữa cho bị cáo Bé Văn L1 đề nghị cho bị cáo Bé Văn L1 mức hình phạt dưới khung, mức hình phạt bằng mức hình phạt của bị cáo Sái Thị L. Còn lại về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng và án phí nhất trí với ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, do các bị cáo là người dân tộc sống ở vùng sâu vùng xa, vùng khó khăn nên trình độ hiểu biết hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã được thực hiện hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định tư pháp, kết luận định giá tài sản và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở để khẳng định: Tháng 10/2024, các bị cáo Sái Thị L và Bé Văn L1 với mục đích mở rộng diện tích để trồng cây keo phát triển kinh tế nên đã bàn bạc thống nhất thuê công nhân sử dụng dao, cưa máy để phát các cây bụi, dây leo và cắt các cây gỗ tự nhiên trên diện tích 8.620m² (0,8620ha) trong đó có 6.017 m² đạt tiêu chí thành rừng thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên tại các lô 2, 4, 9 khoảnh 22, tiểu khu D, bản đồ hiện trạng rừng năm 2024 xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Hành vi đã thực hiện của các bị cáo đã vi phạm khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp về *nguyên tắc giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng* là: “*Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; dự án cấp thiết khác được Chính phủ phê duyệt*” và vi phạm điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp về *bảo vệ hệ sinh thái rừng sản xuất* là: “*Khi tiến hành các hoạt động làm ảnh hưởng trực tiếp đến hệ sinh thái rừng, phải thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện các hoạt động đó sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép*”. Với hành vi trên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội "Hủy hoại rừng" theo điểm b khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về rừng, xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo luật định, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện do vậy cần được xử lý theo quy định của pháp luật nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn do các bị cáo cùng có ý thực hiện tội phạm. Các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật đó quy định, xong về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, về vai trò, về nhân thân, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó.

[6] Đối với bị cáo Sái Thị L: Bị cáo tham gia với vai trò giúp sức, bị cáo biết việc bị cáo Bé Văn L1 thuê người để chặt cây tự nhiên, hủy hoại rừng và đồng ý với việc chặt cây, hủy hoại rừng nên đã đưa tiền cho bị cáo Bé Văn L1 thuê người để chặt phá rừng tự nhiên, hủy hoại rừng mà không xin phép các cơ quan Nhà nước. Bị cáo chưa từng bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật do vậy bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo cùng bị cáo Bé Văn L1 đã tự nguyện bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại đã gây ra, quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo còn được tặng thưởng nhiều Giấy khen, bằng khen cấp tỉnh trở lên gồm: Sở giáo dục và đào tạo tỉnh L tặng Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở giai đoạn 2000 – 2010; Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng Bằng K đã có thành tích xuất sắc trong công tác chữ thập đỏ năm học 2004 – 2005; Ban chấp hành Trung ương tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động nhân đạo, góp phần xây dựng Hội Chữ thập đỏ Việt Nam vững mạnh; Bộ trưởng bộ G tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục đã có công lao đối với sự nghiệp giáo dục của đất nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, dân tộc Tày, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí và bị cáo sinh ngày 27/5/1965, như vậy bị cáo cũng là người cao tuổi (60 tuổi), ngoài ra bị cáo có chồng là Bé Văn L1 cũng được tặng thưởng nhiều Giấy khen cấp huyện trở xuống gồm: Ban chấp hành Đảng bộ xã L tặng Giấy khen đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023; Ban chấp hành trung ương tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng; bản thân bị cáo còn được Ủy ban nhân dân huyện Đ tặng Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ năm học 2015-2016; mẹ đẻ là Vy Thị H3 được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước năm 1985; bố đẻ là Sái Văn T được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước năm 1985, năm 1987; bị cáo có hóa đơn mua

thuốc của Bệnh viện T6 thể hiện thoái hóa đốt sống cổ, loãng xương, bệnh kèm theo đau đầu, rối loạn chức năng tiền đình; nguyên đơn dân sự có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Đối với bị cáo Bé Văn L1: Bị cáo là người tham gia trực tiếp việc thuê người chặt phá, hủy hoại rừng tự nhiên. Bị cáo chưa từng bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật tuy nhiên bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt cảnh cáo về tội Nhận hối lộ tại Bản án hình sự sơ thẩm số 68/HS-ST ngày 07/5/1998 (đã được xóa án tích). Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại đã gây ra đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, dân tộc Tày, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí và bị cáo sinh ngày 02/02/1961, như vậy bị cáo cũng là người cao tuổi (60 tuổi), ngoài ra bị cáo có vợ là bị cáo Sái Thị L được tặng thưởng Giấy khen, bằng khen và bản thân bị cáo cũng có nhiều giấy khen bằng khen như trên, bố mẹ vợ bị cáo cũng được tặng thưởng huân huy chương như trên; nguyên đơn dân sự có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[8] Xét thấy các bị cáo có nơi cư trú cụ thể rõ ràng; trong thời gian tại ngoại các bị cáo không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật, có khả năng tự cải tạo. Theo quy định thì các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo và không cần bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, chưa cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian nhất định là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo và cũng không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[9] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo Bé Văn L1 không có việc làm ổn định, bị cáo Sái Thị L đã về hưu lương chỉ đủ chi tiêu trong cuộc sống, ngoài ra còn phải hỗ trợ nuôi 02 cháu của các bị cáo ăn học do các con không có việc làm ổn định. Do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn có đơn yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước là 4.148.100 đồng (bốn triệu một trăm bốn mươi tám nghìn một trăm đồng). Các bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền này tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Do vậy ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của các bị cáo cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn tổng số tiền là 4.148.100 đồng. Tạm giữ số tiền 4.148.100 đồng (bốn triệu một trăm bốn mươi tám nghìn một

trăm đồng) mà các bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án theo biên lai thu tiền ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

[11] Về vật chứng của vụ án: Đối với toàn bộ vật chứng là 07 (bảy) con dao đang bị tạm giữ, là của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, do không nắm được đây là rừng tự nhiên nên đã nhận tiền công và phát rừng của các bị cáo do vậy xác định các vật chứng này không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, cần trả lại theo quy định.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, nhưng do các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin được miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho các bị cáo.

[13] Đối với yêu cầu được xử mức hình phạt Cảnh cáo, xét thấy tại khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự không có hình phạt Cảnh cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[14] Đối với yêu cầu được hưởng mức án dưới khung cho bị cáo Sái Thị L, nhận thấy mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tuy nhiên diện tích rừng mà các bị cáo hủy hoại trên mức diện tích tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự, nội dung điểm b như sau: “*b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m^2) đến dưới 10.000 mét vuông (m^2)*”, diện tích rừng mà các bị cáo hủy hoại là $8.620m^2$ (0,8620ha) trong đó có $6.017 m^2$ đạt tiêu chí thành rừng thuộc quy hoạch rừng sản xuất. Do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[15] Đối với yêu cầu cho bị cáo Bé Văn L1 mức án bằng bị cáo Sái Thị L dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, nhận thấy bị cáo Bé Văn L1 là người tham gia trực tiếp thuê người hủy hoại rừng và các tình tiết giảm nhẹ ít hơn, đã từng bị kết án. Do vậy không chấp nhận cho bị cáo Bé Văn L1 được hưởng mức án bằng bị cáo Sái Thị L và mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mới đảm bảo tính công bằng và có sự phân hóa vai trò đồng phạm.

[16] Đối với Hoàng Thị L3, Trần Thị Q, Trần Thị B, Nông Thị T2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị P, Vy Thị T4 và Hoàng Văn B1 là những người được Sái Thị L và Bé Văn L1 thuê để phát, dọn và chặt cây tại khu đồi. Qua điều tra đã làm rõ được các đối tượng này với mục đích làm thuê lấy tiền công, không biết là rừng tự nhiên nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với những người này. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[17] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận;

[18] Xét đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo phần nào có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận; phần nào không có căn cứ và không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì không được chấp nhận.

[19] Các bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 50, Điều 17, Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Sái Thị L;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 50, Điều 17, Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bé Văn L1;

Căn cứ vào Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Sái Thị L và Bé Văn L1 phạm tội Hủy hoại rừng.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Sái Thị L 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 15/9/2025).

2.2. Xử phạt bị cáo Bé Văn L1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 15/9/2025).

Giao các bị cáo Sái Thị L và Bé Văn L1 cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của các bị cáo cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn tổng số tiền là 4.148.100 đồng. Tạm giữ số tiền 4.148.100 đồng (bốn triệu một trăm bốn mươi tám nghìn một trăm đồng) mà các bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án theo biên lai thu tiền ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

4. Về xử lý vật chứng: Trả lại toàn bộ 07 (bảy) con dao đã thu giữ, cụ thể:

Trả lại cho bà Vi Thị T3 01 (một) con dao bằng kim loại (loại dao quắm), chiều dài 40 cm, bản rộng 2,5 cm; tra cán gỗ dài 30 cm, đã qua sử dụng.

Trả lại cho bà Nông Thị T2 01 (một) con dao bằng kim loại (loại dao quắm), chiều dài 40 cm, bản rộng 04 cm; tra cán gỗ dài 30 cm, đã qua sử dụng.

Trả lại cho bà Trần Thị B 01 (một) con dao bằng kim loại (loại dao quắm), chiều dài 35 cm, bản rộng 3,5 cm; tra cán gỗ dài 20 cm, đã qua sử dụng.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị N 01 (một) con dao bằng kim loại (loại dao quắm), chiều dài 40 cm, bản rộng 4,5 cm, đã qua sử dụng.

Trả lại cho bà Trần Thị Q 01 (một) con dao bằng kim loại (loại dao quắm), chiều dài 40 cm, bản rộng 4,5 cm, đã qua sử dụng.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Phan 0 (một) con dao bằng kim loại (loại dao quắm), chiều dài 40 cm, bản rộng 4,5 cm, đã qua sử dụng.

Trả lại cho chị Hoàng Thị L3 01 (một) con dao bằng kim loại (loại dao quắm), chiều dài 40 cm, bản rộng 4,5 cm, đã qua sử dụng.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04 tháng 09 năm 2025).

5. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Sái Thị L và Bế Văn L1.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn;
- CQCSĐT Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng GDKTTT&THA TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06, PC 10 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Thi hành án tỉnh Lạng Sơn;
- Công an xã Thái Bình, tỉnh Lạng Sơn
- UBND xã Thái Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; nguyên đơn dân sự; Người bào chữa;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

